平成３０年７月豪雨により被災された方へ
～市税・保険料・利用料等「減免のお知らせ」～
KÍNH GỬI NHỮNG HỘ GIA ĐÌNH BỊ THIỆT HẠI DO MƯA LŨ THÁNG 7 NĂM 2018
～ THÔNG BÁO MIỄN GIẢM
THUẾ THÀNH PHỐ, PHÍ BẢO HIỂM, PHÍ SỬ DỤNG v.v... ～

このたびの大雨により被災された方におかれましては，心よりお見舞い申し上げます。
呉市では，り災状況に応じて市税・保険料・利用料等の減免適用を受けていただける申請を，各担当課窓口及び各市民センターにて受付けておりますので，ご利用ください。

Chúng tôi xin chân thành chia buồn và đồng cảm sâu sắc với những hộ gia đình bị thiệt hại do mưa lớn vừa qua.
Thành phố Kure đang tiếp nhận yêu cầu miễn giảm Thuế Thành Phố, Phí Bảo Hiểm, Phí Sử Dụng v.v... dựa trên tình trạng thiệt hại do thảm họa. Xin hãy nộp hồ sơ tại từng bộ phận phụ trách và tại các trung tâm thị dân (SHIMIN SENTA) để được áp dụng chế độ miễn giảm.

減免適用の条件はそれぞれ異なります。詳しい内容については，各担当課にお問合せください。

Đối với từng loại phí, điều kiện để được áp dụng miễn giảm khác nhau. Để biết thêm chi tiết, xin hãy liên lạc từng bộ phận phụ trách để được tư vấn.

税金関係 Vấn Đề Tiền Thuế

種 類 Phân Loại	問い合わせ先 Nơi Liên Lạc Tư Vấn (điện thoại)
固定資産税・都市計画税 Thuế tài sản cố định / Thuế quy hoạch thành phố (*Kotei-Shisan-zei / Toshi-keikaku-zei*)	資産税課　０８２３－２５－３２１６ Phòng Thuế Tài Sản (*Shisan-zei-Ka*)
市県民税 Thuế cư dân thành phố - tỉnh (*Shikenmin-zei*)	市民税課　０８２３－２５－３１９３ Phòng Thuế Thị Dân (*Shimin-zei-Ka*)

住宅関係 Vấn Đề Nhà Ở

種 類 Phân Loại	問い合わせ先 Nơi Liên Lạc Tư Vấn (điện thoại)
市営住宅使用料 Phí sử dụng nhà ở công thành phố (*Shiei-Jutaku-Shiyou-ryou*)	住宅政策課　０８２３－２５－３３９１ Phòng Chính Sách Nhà Ở (*Jutaku-Seisaku-ka*)

福祉関係 Vấn Đề Phúc Lợi

種 類 Phân Loại	問い合わせ先 Nơi Liên Lạc Tư Vấn (điện thoại)
国民健康保険料 Phí bảo hiểm sức khỏe quốc dân (*Kokumin-Kenkou-Hoken-ryou*)	保険年金課　０８２３－２５－３１５３ Phòng Lương Hưu Bảo Hiểm (*Hoken-Nenkin-ka*)
高齢者医療保険料 Phí bảo hiểm y tế người cao tuổi (*Koureisha-Iryou-Hoken-ryou*)	保険年金課　０８２３－２５－３１５６ Phòng Lương Hưu Bảo Hiểm (*Hoken-Nenkin-ka*)
介護保険料 Phí bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng (*Kaigo-Hoken-ryou*)	介護保険課　０８２３－２５－３１７６ Phòng Bảo Hiểm Chăm Sóc Điều Dưỡng (*Kaigo-Hoken-Ka*)
介護サービス利用料 Phí sử dụng dịch vụ chăm sóc điều dưỡng (*Kaigo-Sabisu-riyou-ryou*)	介護保険課　０８２３－２５－２６２６ Phòng Bảo Hiểm Chăm Sóc Điều Dưỡng (*Kaigo-Hoken-Ka*)
障害福祉サービス等利用者負担額 Phí sử dụng dịch vụ phúc lợi cho người khuyết tật v.v…	障害福祉課　０８２３－２５－３１３５ Phòng Phúc Lợi Cho Người Khuyết Tật (*Shogai-Fukushi-ka*)
保育所等利用者負担金 Phí gửi trẻ vào nhà trẻ v.v...	子育て施設課　０８２３－２５－３１４４ Ban phụ trách cơ sở chăm sóc trẻ em (*Kosodate-Shisetsu-ka*)
放課後児童会分担金 Phụ phí gửi trẻ ngoài giờ (vào hội nhi đồng)	子育て支援課　０８２３－２５－３２５４ Ban hỗ trợ chăm sóc trẻ em (*Kosodate-Shien-ka*)